

VẬN DỤNG TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ VÀO DẠY HỌC VĂN XUÔI VIỆT NAM SAU 1975 Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN

Nguyễn Văn Thái - Trường Trung học cơ sở Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Ngày nhận bài: 23/8/2019; ngày chỉnh sửa: 24/9/2019; ngày duyệt đăng: 04/10/2019.

Abstract: In the process of teaching, to develop critical thinking competency for students, it requires to organize activities the most appropriately and effectively. In this article, we apply some problematic situations into teaching Vietnamese prose after 1975 at high school towards developing critical thinking competency. The ultimate aim of applying the above situations is to create interest in learning and develop students' competencies, especially critical thinking competency in an effective and optimal way.

Keywords: Problematic situation, Vietnamese prose after 1975, critical thinking competency.

1. Mở đầu

Trong dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học văn xuôi sau 1975 nói riêng, dạy học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh (HS), trong đó có *năng lực tư duy phản biện* (NLTDPB) đang ngày càng được chú trọng và phát triển, mục đích cuối cùng là hình thành và phát triển NLTDPB của các em khi vận dụng vào trong cuộc sống. Muốn phát triển được NLTDPB vào dạy học văn xuôi Việt Nam sau 1975 thì phát hiện và đưa những *tình huống có vấn đề* (THCVĐ) vào trong dạy học nhằm giúp người dạy và người học biết cách thức tổ chức, khai thác, phân tích những điều còn thắc mắc, băn khoăn chưa tìm được lời giải đáp. Trong quá trình dạy học, khi được đặt vào THCVĐ, HS phải suy luận, lí giải, tranh luận để tìm ra nguyên nhân cốt lõi của sự việc, tiết học sẽ trở nên hấp dẫn và hiệu quả hơn.

Trong bài viết này, chúng tôi vận dụng một số THCVĐ vào dạy học văn xuôi Việt Nam sau 1975 ở trung học phổ thông (THPT) theo hướng phát triển NLTDPB.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí thuyết và thực tiễn

Trong quá trình dạy học, nếu giáo viên (GV) đưa được THCVĐ vào trong bài học thì sẽ kích thích khả năng tư duy, từ đó hình thành và phát triển năng lực cho HS. Vì thế, nhiều GV cũng đã tìm hiểu và khai thác những THCVĐ vào trong bài học để nâng cao tiết dạy và tăng tính tranh biện cho các em. Vì đây là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nên đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu.

Theo A.M.Machiuskin: "*Một tình huống được gọi là THCVĐ khi xuất hiện sự không tương ứng, sự xung khắc giữa cái đã biết và cái đòi hỏi, hoặc khi con người gặp phải một vài vấn đề mới mà không thể thực hiện được bằng tri thức, hành động đã biết*" [1; tr 288].

M.I.Makhonutóp cho rằng: "*THCVĐ là trạng thái tâm lí của sự khó khăn về mặt trí tuệ nảy sinh ở con người trong những tình huống khách quan khi cần giải thích một sự kiện mới bằng tri thức đã có hoặc bằng cách thức hoạt động đã biết trước đây mà phải đi tìm tri thức hoặc cách thức hoạt động mới*" [2; tr 288]. Còn theo Vũ Hồng Tiến, "*THCVĐ là trạng thái tâm lí độc đáo của người gặp chướng ngại nhận thức, xuất hiện mâu thuẫn nội tâm, có nhu cầu giải quyết mâu thuẫn đó không phải bằng tái hiện hay bắt chước mà bằng tìm tòi, sáng tạo tích cực đầy hưng phấn và khi đi tới đích thì lĩnh hội được cả kiến thức, phương pháp giành lấy kiến thức và cả niềm vui sướng của sự phát hiện*" [3; tr 114].

Như vậy, THCVĐ là loại tình huống mà GV đặt ra trong quá trình tổ chức dạy học, trong những tình huống đó, phần lớn xuất hiện những mâu thuẫn mà chưa lời giải đáp, buộc đứng trước những vấn đề HS phải tìm ra cách giải quyết. THCVĐ có thể được biểu hiện bằng câu hỏi hoặc yêu cầu có tính nêu vấn đề, ở đó có thể có những điều không tương ứng với những điều mà người học đã biết và những điều người học cần biết. Sự không tương ứng này sẽ kích thích HS tìm kiếm thông tin, tranh luận để tìm ra cách giải quyết vấn đề, từ đó phát triển được năng lực tư duy cho các em, trong đó có NLTDPB.

Văn xuôi sau 1975 ở THPT được đưa vào giảng dạy ở sách Ngữ văn 12 (tập 2) với hai tác phẩm chính là "*Chiếc thuyền ngoài xa*" và "*Ai đã đặt tên cho dòng sông*". Trong quá trình khai thác, tìm hiểu tác phẩm, chúng tôi nhận thấy những mặt thuận lợi và khó khăn khi GV và HS tiến hành phân tích hai tác phẩm trên.

* *Thuận lợi:* Văn xuôi sau 1975 ở THPT là những tác phẩm có sự gắn kết, liên hệ thực tế cao, ở đó có nhiều vấn đề nhân sinh được tác giả đặt ra để chúng ta tìm hiểu, khai thác. Mặt khác, một điểm hội tụ ở những tác phẩm này đó

là ẩn chứa nhiều THCVD - những tình huống mà HS khi tham gia sẽ có điều kiện phát triển được các năng lực trong đó có NLTDPB.

** Khó khăn:* Tuy nhiên, trong quá trình dạy học, mặc dù biết là trong những tác phẩm có tình huống hoặc có thể tự xây dựng đề đặt HS vào tình huống đó, nhưng nhiều GV vẫn chưa biết cách thức tổ chức sao cho hợp lý vào bài học, vì thế đã không khai thác hết hiệu quả những THCVD của bài học. Điều này cũng là nguyên nhân dẫn đến quá trình tương tác giữa thầy và trò, giữa HS với HS diễn ra rất hạn chế, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến tiết học Ngữ văn trở nên thiếu hứng thú và nhạt nhẽo.

Từ những cơ sở trên và qua quá trình tìm hiểu nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy cần đưa ra một số THCVD có thể vận dụng vào dạy học đọc hiểu văn xuôi Việt Nam sau 1975 ở THPT theo hướng phát triển NLTDPB nhằm tạo hứng thú và thúc đẩy quá trình tư duy cho các em, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả của dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học văn xuôi sau 1975 nói riêng ở nhà trường THPT.

2.2. Một số tình huống có vấn đề được vận dụng vào dạy học đọc hiểu văn bản văn xuôi sau 1975 ở trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực tư duy phân biện

Như đã phân tích, trong quá trình dạy học, THCVD đóng một vai trò quan trọng - từ những tình huống được đặt ra sẽ giúp cho quá trình dạy học được tích cực và hiệu quả hơn. Qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy trong hoạt động dạy học văn xuôi sau 1975, để phát triển NLTDPB cho HS khi học đến học phần này, GV có thể vận dụng một số THCVD sau:

2.2.1. Tình huống nghịch lý

Đây là tình huống ẩn chứa mâu thuẫn, cái bản chất bên trong bị che đậy bằng hình thức bên ngoài. Vấn đề được đưa ra mới đầu thoạt nhìn dường như là vô lý, không phù hợp với quy luật, lí thuyết hoặc thực tiễn đã được thừa nhận ở người học trước đó. Tình huống theo kiểu này được tạo ra bằng cách giới thiệu những sự kiện, hiện tượng trái với quan điểm thông thường và quan điểm của cá nhân người học. Trước sự việc nhìn tưởng là thuận với lẽ thông thường của cuộc sống, nhưng lại ẩn chứa bên trong sự trái chiều, mâu thuẫn, điều này tạo ra sự hoài nghi cho người đọc, phải chăng vấn đề đó còn đang dang dở chưa có lời kết thúc, phải có một cách thức giải quyết để làm sáng tỏ mâu thuẫn đó. Cách thức giải quyết ở đây là tìm và phân tích tại sao lại có sự đối lập đó, phải chăng ẩn khuất giữa điều bất thường kia là một giá trị nhân văn cao cả, mà đòi hỏi người học phải suy luận, phân biện để tìm ra được cốt yếu căn nguyên của vấn đề.

Ví dụ minh họa: Trong văn bản “Chiếc thuyền ngoài xa, một tình huống truyện mang tính chất nghịch lý được

xây dựng, đó là: Khi người đàn bà hàng chài được chánh án Đẩu mời lên huyện để đưa ra lời khuyên, và giải pháp tốt nhất cuối cùng cho người đàn bà là li hôn với chồng, tưởng rằng trước cảnh bạo hành vũ phu đó, chị ta sẽ đồng ý, thế nhưng một nghịch lý trở trêu và cũng tạo ra sự bất ngờ cho Đẩu và Phùng là những lời van xin khẩn thiết “Con lạy quý tòa... quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...”. Rõ ràng, đó là lời van xin bất thường, chứa đầy mâu thuẫn, khiến cả Đẩu và Phùng ngạc nhiên. Đứng trước tình huống nghịch lý của câu chuyện trên, sẽ tác động vào sự nhận thức của HS trong quá trình tìm hiểu và khai thác tác phẩm, tại sao sự việc lại có sự đối lập như thế, ẩn chứa trong lời nói của nhân vật trên là gì?, đáng lẽ ra nhân vật người đàn bà trong tác phẩm phải li hôn chứ, và đây cũng là giải pháp tốt nhất cho bà ta rồi. Đứng trước sự hoài nghi về nhận thức đó, sẽ thúc đẩy các em tư duy, tìm ra căn nguyên của vấn đề, qua đó sẽ thúc đẩy khả năng tư duy phân biện của các em.

Việc xây dựng tình huống nghịch lý trong dạy học văn xuôi sau 1975 không chỉ phù hợp với đặc thù tri thức môn học mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hình thành và phát triển năng lực trong đó có NLTDPB cho HS. Thông qua việc giải quyết tình huống dạng này, HS sẽ khắc sâu tri thức bài học nhờ có sự tranh luận, phân biện lại lẫn nhau từ vấn đề được đặt ra; qua đó giúp các em có những kĩ năng cần thiết để giải quyết được công việc khi đối diện với những vấn đề trong cuộc sống.

2.2.2. Tình huống lí giải - giải thích

Đây là tình huống phổ biến, xuất hiện nhiều trong học tập và nghiên cứu khoa học. Tình huống này xuất hiện khi người học gặp phải những hiện tượng, sự kiện cần phải lí giải nó một cách khoa học để có thể nhận thức và hành động đúng. Tình huống lí giải - giải thích có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, có khi nó gắn liền với những câu nói của các nhân vật, có khi yêu cầu đưa ra các lí lẽ, quan điểm lập luận để chứng minh cho một ý kiến, có thể là ý kiến của tác giả, hoặc suy nghĩ hay một lựa chọn nào đó của các nhân vật. Mục đích cuối cùng là dựa trên những hiểu biết về tác phẩm và kiến thức thực tế để lí giải cho vấn đề còn đang thắc mắc, băn khoăn chưa tìm lời giải đáp.

Ví dụ minh họa: Trong bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông” của Hoàng Phủ Ngọc Tường, GV xây dựng và đặt HS vào tình huống “Người ta đang chuẩn bị xây dựng một công trình trên đồi Vọng Cảnh, trước khi công trình được duyệt, dự án được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để lắng nghe, lấy ý kiến của người dân và của nhà đầu tư, người dân thì không đồng ý, còn chủ đầu tư thì rất muốn tiến hành...”. Vậy trong tình huống trên, với tư cách là người dân thì các em đưa ra những quan điểm lập luận, lí giải, giải thích như thế nào để bảo vệ ý kiến của

mình? Cũng tương tự thế, nhà đầu tư đưa ra những kiến giải gì để thuyết phục được người dân? Nhờ quá trình tranh luận, giải thích mà các em sẽ tạo hứng thú trong bài học, phát triển các năng lực trong đó có NLTDPB.

2.2.3. Tình huống lựa chọn

Đây là THCVD xuất hiện khi chủ thể nhận thức đứng trước hai hay nhiều phương án giải quyết, các phương án được đưa ra vừa chứa đựng những lí lẽ phù hợp nhưng đồng thời cũng chứa đựng những nhược điểm, song chỉ có thể lựa chọn một phương án duy nhất, dựa trên những cơ sở, lí lẽ logic và đời sống thực tế. Trên cơ sở lựa chọn đó, chính chủ thể cũng cần trả lời câu hỏi: Vì sao lại lựa chọn phương án này mà không lựa chọn phương án kia? Để trả lời được câu hỏi trên buộc người lựa chọn phải đưa ra những lí giải để chứng minh cho điều bản thân chọn là đúng, qua đó kích thích được tư duy cho người đọc.

Ví dụ minh họa: Trong dạy học văn bản “Chiếc thuyền ngoài xa”, GV có thể đặt HS vào tình huống khi lựa chọn giải pháp cho người đàn bà hàng chài “li hôn hay không li hôn với chồng?”, đứng trước hai sự lựa chọn đó, HS bên cạnh huy động kiến thức có trong tác phẩm và hiểu biết cuộc sống để đưa ra giải pháp tốt nhất cho người đàn bà, trong quá trình lựa chọn, sẽ có ý kiến đồng tình, hoặc phản đối buộc các em phải suy nghĩ, giao tiếp, lập luận cho quan điểm của bản thân, qua đó kích thích được tư duy cho các em, trong đó có NLTDPB.

2.2.4. Tình huống phản bác

Đây là THCVD khi phản bác một ý kiến, quan điểm nào đó, bởi một vấn đề đưa ra không phải ai cũng đồng ý, ở đó có sự đồng tình hay bác bỏ. Trong quá trình dạy học, khi khai thác tìm hiểu một tác phẩm văn học, nhất là những tác phẩm văn xuôi sau 1975, không phải vấn đề nào chúng ta cũng đồng thuận, tán thành, mà ở đó chắc hẳn còn nhiều vấn đề mà ta chưa đồng tình có thể đối với quan điểm của tác giả, hay với chính suy nghĩ, hành động của nhân vật... Vì thế, trong quá trình tổ chức bài học, GV căn cứ vào tính chất bài dạy để xây dựng, đưa HS vào những tình huống mang tính chất phản bác, bác bỏ. Đứng trước ý kiến phản bác đó, các em sẽ đưa ra những lập luận, lí lẽ, những dẫn chứng để chứng minh tại sao lại không đồng tình với quan điểm đó, từ đó kích thích được năng lực tư duy cho các em, trong đó có NLTDPB.

Ví dụ minh họa:

Trong dạy học bài kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông”, khi GV đặt HS vào tình huống là xây dựng thêm một số công trình trên dòng sông Hương để phục vụ phát triển kinh tế, đứng trước tình huống này, HS nhập vai vào hai tuyến nhân vật, một bên là nhà đầu tư, một bên là người dân, mỗi bên đưa ra những lập luận cho bên mình, người dân thì phản đối kịch liệt vì cho rằng làm như thế sẽ làm

mất đi giá trị truyền thống và cảnh quan phong thủy của sông Hương. Còn nhà đầu tư thì lập luận riêng theo quan điểm của họ, cho rằng nếu không đầu tư thì sông Hương sẽ xuống cấp, không khai thác và phát huy hết thế mạnh để phát triển kinh tế mà sông Hương vốn dĩ đang có. Những ý kiến tranh luận, phản bác của các em khi nhập vai vào hai tuyến nhân vật, sẽ đưa các em vận dụng những kiến thức có trong tác phẩm và thực tế ngoài đời sống để giải quyết vấn đề trên, quá trình tranh luận như thế sẽ kích thích được tư duy phản biện cho các em phát triển.

3. Kết luận

Trên đây là những dạng THCVD cơ bản, có thể được vận dụng vào trong dạy học đọc hiểu văn bản văn xuôi sau 1975 theo hướng phát triển NLTDPB. Việc phân chia các THCVD như trên mang tính chất tương đối, trong quá trình xây dựng tình huống, nhiều khi cùng một nội dung và cách thức giải quyết vấn đề như nhau nhưng có thể làm biến đổi tình huống ở dạng này hoặc dạng khác. Việc chuyển đổi dạng tình huống có tác dụng làm đa dạng hóa các yêu cầu học tập đối với HS trong dạy học văn nói chung và văn xuôi sau 1975 nói riêng. Vì vậy, GV cần linh hoạt trong việc sử dụng kết hợp giữa các tình huống sao cho có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chi tiết có trong tác phẩm với nhau để có thể phát huy tối đa năng lực cho HS, trong đó có NLTDPB

Tài liệu tham khảo

- [1] A.M.Machiuskin (1976). *Tình huống có vấn đề trong tư duy và trong dạy học*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Thanh Hùng (2008). *Đọc - hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường*. NXB Giáo dục.
- [3] Bùi Huy Quảng (2011). *Văn học Việt Nam sau 1975 và các tác phẩm mới được đưa vào chương trình phổ thông*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- [4] Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2014). *Từ định hướng giáo dục phát triển năng lực học sinh nghĩ về việc dạy học văn học dân gian trong nhà trường phổ thông*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56, tr 82-87.
- [5] Nguyễn Thị Hồng Nam - Dương Thị Hồng Hiếu (2015). *Các mô hình dạy đọc nhằm phát triển năng lực học sinh*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 1, tr 116-124.
- [6] Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) - Bùi Minh Đức - Đỗ Thu Hà - Phạm Thị Thu Hiền - Lê Thị Minh Nguyệt (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên, 2016). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Sư phạm.